

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 15/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thao Văn Dính

2. Ông Phạm Nhật Quang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 9 năm 2021;

Đối với bị cáo: **Lò Văn K**, sinh năm 1986; Tại xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản P, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn K (đã chết); con bà Hà Thị N; Bị cáo có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2014; gia đình bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo Lò Văn K là con thứ tư trong gia đình.

Tiền sự: Không, Tiền án: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số: 10/2021/HSST- CĐKNCT ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2017, Trần Thị H, trú tại thôn NV, xã HT, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh là cộng tác viên của Công ty cổ phần dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên

gia Thanh Hóa (gọi tắt là LEESCO), có trụ sở tại Lô 21LK 17, phường An Hoạch, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với công việc chính là môi giới tuyển người đi xuất khẩu lao động. Công việc theo hợp đồng của Trần Thị H với công ty LEESCO là H sẽ tìm người cần đi xuất khẩu lao động tại Ả Rập Xê Út rồi giới thiệu cho công ty LEESCO. Quá trình tìm khách hàng, Trần Thị H biết được Bùi Thị H, sinh năm 1964, cư trú tại xã CB, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại nước Ả Rập Xê Út nên đã gặp Bùi Thị H; Nhưng tại thời điểm đó theo quy định thì Bùi Thị H đã quá tuổi để xuất khẩu lao động sang nước Ả Rập Xê Út, Trần Thị H nói với Bùi Thị H là sẽ làm một bộ hồ sơ và hộ chiếu có ảnh của Bùi Thị H nhưng mang tên người khác có đủ điều kiện (về độ tuổi) để được đi xuất khẩu lao động. Bùi Thị H đồng ý, đã đưa ảnh hồ sơ cho Trần Thị H để làm một bộ hồ sơ và hộ chiếu của một người mang tên giả là Lương Thị H, sinh ngày 01/5/1974 nhưng có dán ảnh trong hồ sơ là của Bùi Thị H. Theo quy định của pháp luật thì để làm được hộ chiếu mang tên giả Lương Thị H thì cần phải có căn cước công dân mang tên giả của Lương Thị H, nhưng để các thủ tục xin cấp thẻ căn cước công dân lại cần phải có sổ hộ khẩu và những tài liệu chứng nhận về hộ khẩu thường trú. Do đó Trần Thị H đã thông qua mối quan hệ xã hội của mình, liên lạc với ông Lộc Hữu T, tại thời điểm đó ông T đang làm Trưởng Công an xã TL, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; để nhờ ông T làm không cho một sổ hộ khẩu thường trú cho người mang tên giả Lương Thị H, sinh ngày 01/5/1974 và có hộ khẩu thường trú tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lộc Hữu T đồng ý giúp Trần Thị H và đến nhờ Lò Văn K là Trưởng Công an xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm giúp. Lộc Hữu T đến gặp Lò Văn K tại phòng làm việc và nhờ được K làm giúp 02 (hai) tài liệu gồm: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Lương Thị H trong sổ và 01 (một) tờ “Đơn đề nghị cấp thẻ căn cước công dân” cho người có tên Lương Thị H, sau đó ông T đưa cho K ảnh làm hồ sơ loại 4 cm x 6 cm của Bùi Thị H để K dán vào tờ đơn và đóng dấu giáp lai vào tờ đơn đề nghị cấp thẻ căn cước công dân, có chữ ký của K, với chức danh trưởng công an xã TT và đóng dấu của Công an xã TT trên tờ đơn. Tại thời điểm đó Lò Văn K không biết Lương Thị H là tên giả của Bùi Thị H nhưng K biết rõ người có tên Lương Thị H không có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã TT nhưng vì có quan hệ và nể nang đối với ông Lộc Hữu T, nên K đã làm theo những việc ông T nhờ.

Sau khi nhận được các tài liệu mà K làm giúp, ông T để lại trên bàn làm việc của K một tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) rồi về; K thấy số tiền đó thì cũng không trả lại cho ông T mà cầm rồi chi tiêu cho cá nhân hết.

Sau khi có được các tài liệu xác nhận hộ khẩu thường trú có tên Lương Thị H thì ông Lộc Hữu T và Trần Thị H đã làm được các thủ tục, xin cấp căn cước công dân và được cấp có thẩm quyền cấp cho một căn cước công dân số 038174003359 mang tên Lương Thị H, sinh ngày 01/5/1974; Trần Thị H dùng thẻ căn cước công dân đó để

đã làm thủ tục, xin cấp được một hộ chiếu phổ thông mang tên Lương Thị H và hoàn chỉnh được bộ hồ sơ “hợp lệ” cho Bùi Thị H mang tên giả Lương Thị H đi xuất khẩu lao động tại Ả Rập Xê Út. Đến đầu năm 2020, Bùi Thị H lại tiếp tục dùng hộ chiếu giả mang tên Lương Thị H để đi xuất khẩu lao động sang Ả Rập Xê Út lần nữa thì bị lực lượng chức năng phát hiện; Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thanh Hóa đã kiểm tra quá trình làm hộ chiếu mang tên giả Lương Thị H thì phát hiện ra vụ việc có dấu hiệu của tội “Giả mạo trong công tác” của Lò Văn K nên đã lập hồ sơ kiến nghị khởi tố đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa điều tra làm rõ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn K khai nhận toàn bộ vụ việc đúng như kết quả điều tra như trên.

Bản cáo trạng số:14/CT-VKSQS ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lò Văn K về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 284 - Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lò Văn K và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để tuyên bố bị cáo Lò Văn K phạm tội “Giả mạo trong công tác” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điểm p, q, Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46, Điều 47, đồng thời áp dụng Điều 60 - Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Lò Văn K dưới mức thấp nhất khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 với mức án từ 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điểm b Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để tuyên truy thu đối với bị cáo Lò Văn K số tiền 200.000đ (Hai trăm, ngàn đồng) là tiền do K phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST theo quy định hiện hành.

Phản tranh luận Bị cáo Lò Văn K đồng ý với nội dung, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát và thừa nhận nội dung bản Cáo trạng và nội dung bản luận tội mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn trình bày là đúng người, đúng tội, không oan; Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án nhẹ nhất để tạo điều kiện cho có cơ hội sửa chữa lỗi lầm làm người công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả thẩm vấn và tranh tụng công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đúng trình tự của pháp luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Lò Văn K có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, thấy rằng: Lò Văn K vì “động cơ cá nhân” (nể nang) và “vụ lợi” đã lợi dụng chức vụ Trưởng Công an xã được pháp luật cho phép quản lý cư trú trên địa bàn quản lý (xã TT) để thực hiện hành vi làm không 01 (một) sổ hộ khẩu và 01 (một) tờ “Đơn đề nghị cấp thẻ căn cước công dân” cho người có tên Lương Thị H để chứng nhận nội dung giả mạo cho công dân mang tên Lương Thị H có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã TT, mặc dù K biết rõ người có tên Lương Thị H không hề có hộ khẩu thường trú tại xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khi thực hiện hành vi lập không sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp thẻ căn cước công dân cho Lương Thị H thì Lò Văn K là người có thẩm quyền và trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, tài liệu này cho công dân.

Tại bản kết luận giám định chữ ký số: 3185/PC09 ngày 11/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận nội dung: “Chữ ký đứng tên Lò Văn K trong đơn đề nghị cấp thẻ căn cước công dân mang tên Lương Thị H là chữ ký thật của Lò Văn K”; Theo như lời khai của bị cáo Lò Văn K, lời khai của người có nghĩa vụ liên quan Bùi Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ thì Lò Văn K đã làm không 01 sổ hộ khẩu thường trú tại bản P, xã TT có tên Lương Thị H trong sổ hộ khẩu do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Lò Văn K đã có hành vi phạm tội “Giả mạo trong công tác” mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn K là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, cụ thể là Lò Văn K là

người có chức vụ Trưởng Công an xã TT có thẩm quyền quản lý về nơi cư trú, xác nhận và cấp sổ hộ khẩu thường trú, tạm trú trong địa bàn quản lý, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã thực hiện hành vi cấp và làm các tài liệu, giấy tờ giả có giá trị xác nhận nội dung, thông tin giả (giả về nội dung) về việc công dân có tên Lương Thị H (tên giả mà Bùi Thị H sử dụng) có hộ khẩu thường trú hợp pháp tại bản P, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi để Bùi Thị H được cơ quan Nhà nước cấp trên cấp cho căn cước công dân và hộ chiếu phổ thông mang tên giả Lương Thị H để đi lao động xuất khẩu ở nước Ả Rập Xê Út. Hành vi của bị cáo còn là biểu hiện cụ thể về sự suy thoái về chính trị, đạo đức lối sống của người cán bộ đảng viên. Do đó, cần phải bị xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng là bài học sâu sắc trong công tác phòng ngừa tội phạm trong cơ quan Nhà nước.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Lò Văn K là người có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo chưa bị kết án hay xử phạt vi phạm hành chính lần nào và được Đảng ủy xã TT làm công văn xác nhận ngoài lần phạm tội này, tại địa phương Lò Văn K luôn chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn K luôn thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Năm 2021, trong quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân xã TT, Lò Văn K đã tích cực hợp tác, giúp đỡ Công an xã TT phát hiện và bắt giữ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là Lữ Văn K. Sau đó Lữ Văn K đã bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Ngoài ra trong quá trình công tác từ năm 2008 đến năm 2021, Lò Văn K có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được các cấp có thẩm quyền tặng thưởng nhiều giấy khen như: Năm 2017 được Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa tặng giấy khen “Đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện kế hoạch thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên tuyến biên giới đất liền Thanh Hóa”; Năm 2020 được Chủ Tịch ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn tặng giấy khen “có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015 – 2020; Năm 2019 được Chủ Tịch ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn tặng giấy khen “đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới bản P, xã TT. Hiện nay bị cáo đang tích cực tham gia công tác tại Trạm kiểm soát liên hợp số 7, là tuyến đầu, phòng chống Covid-

19 của xã TT và biên giới Việt - Lào; Bố và mẹ của bị cáo Lò Văn K cũng có nhiều đóng góp tích cực trong xây dựng thôn bản, xã TT, Bố của bị cáo là ông Lò Văn K, được Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng tặng kỷ niệm chương “Vì chủ quyền an ninh biên giới” năm 2002; Bị cáo được Đảng ủy xã Tam Thanh làm công văn các Cơ quan tiến hành tố tụng xem xét mức án thấp nhất và xin tạo điều kiện cho bị cáo được giảm án. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cho bị cáo một cơ hội để tự cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Nhằm loại bỏ khả năng bị cáo có thể gây nguy hại cho xã hội nên căn cứ Điều 36 và khoản 5 Điều 284 Bộ luật Hình sự 1999, cần thiết cấm bị cáo Lò Văn K đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn nhất định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

[8] Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999 và Điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để truy thu số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đối với Lò Văn K, vì đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

[9] Các đối tượng liên quan gồm có ông Lộc Hữu T đã chết, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự; bà Trần Thị H là khâu trung gian, môi giới, liên hệ với ông Lộc Hữu T và Lò Văn K để làm giấy tờ giả cho Bùi Thị H, nhằm mục đích cho bà H làm các giấy tờ “Hợp pháp” mang tên giả để đưa đi xuất khẩu lao động thông qua Công ty LEESCO và thực tế Bùi Thị H đã xuất cảnh với tên giả là Lương Thị H. Hành vi của bà Trần Thị H có dấu hiệu của tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” theo quy định tại Điều 275 Bộ luật hình sự 1999 nên Cơ quan điều tra đã chuyển hành vi này của bà Trần Thị H đến Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa để điều tra làm rõ theo thẩm quyền là có căn cứ.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Lò Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 36, 41; Điều 60; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 284; điểm p, q khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn K phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

* Xử phạt: Bị cáo Lò Văn K 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn K cho UBND xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Tuyên bố truy thu số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) của bị cáo Lò Văn K để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 36, khoản 5 Điều 284 Bộ luật Hình sự. Cấm bị cáo Lò Văn K đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo; Tuyên bố bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn;
- Cơ quan QLTTGTG, Công an huyện Quan Sơn
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn